



Flashcardo.com

เราหวังว่าแฟลชการ์ดแบบพิมพ์ได้เหล่านี้จะเป็นประโยชน์สำหรับคุณ หากต้องการค้นหาผลิตภัณฑ์แฟลชการ์ดเพิ่มเติม กรุณาไปที่เว็บไซต์ของเรา www.flashcardo.com/th บน Flashcardo.com เรามีบริการแฟลชการ์ดออนไลน์ แฟลชการ์ดแบบทบทวนวันละวัน แฟลชการ์ดวิดีโอ และอีกมากมาย ทั้งหมดฟรีและพร้อมสำหรับผู้เรียนทั่วโลก

ลิขสิทธิ์ หมายเหตุเกี่ยวกับสิทธิการใช้งาน

ไฟล์ PDF นี้ได้รับการคุ้มครองตามกฎหมายลิขสิทธิ์และสงวนสิทธิ์ทั้งหมด คุณสามารถแบ่งปันไฟล์ PDF นี้กับใครก็ได้ อย่างไรก็ตาม คุณไม่สามารถอนุญาตให้นำไฟล์ PDF นี้หรือเนื้อหาของมันไปขาย หากคุณมีคำถาม กรุณาไปที่ www.flashcardo.com/th เพื่อ ติดต่อ与我们 ขอบคุณ!

ข้อจำกัดความรับผิดชอบ

ไฟล์ PDF นี้ถูกจัดทำขึ้น “ตามสภาพ” โดยไม่มีการรับประกันใด ๆ ไม่ว่าจะโดยชัดแจ้งหรือโดยนัย รวมถึงแต่ไม่จำกัดเพียงการรับประกันด้านการขาย ความเหมาะสมสำหรับวัตถุประสงค์เฉพาะ และการไม่ละเมิดสิทธิ์ ในทุกกรณี ผู้เขียนหรือผู้ถือสิทธิ์ลิขสิทธิ์จะไม่รับผิดชอบต่อการเรียกร้อง ค่าเสียหาย หรือความรับผิดใด ๆ ไม่ว่าจะเกิดจากการฟ้องร้องตามสัญญา การละเมิด หรืออื่น ๆ ที่เกิดจากหรือเกี่ยวข้องกับไฟล์ PDF นี้ หรือการใช้งานและการดำเนินการอื่น ๆ ที่เกี่ยวข้องกับไฟล์ PDF นี้

ลิขสิทธิ์ © 2025 Flashcardo.com. สงวนลิขสิทธิ์ทั้งหมด

การพิมพ์แบบสองหน้า

โปรดทราบว่าแฟลชการ์ดเหล่านี้ถูกออกแบบมาให้พิมพ์แบบสองหน้า หากเครื่องพิมพ์ของคุณไม่สามารถพิมพ์แบบสองหน้าได้ กรุณา
ดาวน์โหลดไฟล์ PDF แฟลชการ์ดแบบหน้าเดียวสำหรับการพิมพ์แทน

พื้นฐาน

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

เขา

คุณ

ผม/ฉัน

เรา

มัน

เธอ

อะไร

พวกเขา

พวกคุณ

ทำไม

ที่ไหน

ใคร

เมื่อ

อันไหน

อย่างไร

จริง

ถ้า

ต่อจากนั้น

ไม่

เพราะว่า

แต่

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

ทั้งหมด

นั้น

นี้

ที่นี้

และ

หรือ

ขวา

ซ้าย

ที่นั่น

ตอนเช้า

ตอนบ่าย

ตอนนี้

ตอนเย็น

เข้า

กลางคืน

ชั่วโมง

เที่ยงคืน

เที่ยงวัน

วัน

วินาที

นาที

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

ปี

เดือน

สัปดาห์

พรุ่งนี้

วันนี้

เมื่อวาน

วันพุธ

วันอังคาร

วันจันทร์

วันเสาร์

วันศุกร์

วันพฤหัสบดี

ผู้ชาย

ผู้หญิง

วันอาทิตย์

แฟนสาว

แฟนหนุ่ม

ความรัก

เพศสัมพันธ์

จูบ

เพื่อน

trẻ em

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

เด็กผู้ชาย

เด็กผู้หญิง

เด็ก

แม่

พ่อ

แม่

ลูกชาย

พ่อแม่

พ่อ

น้องชาย

น้องสาว

ลูกสาว

สามี

พี่ชาย

พี่สาว

เสมอ

ทุก

ภรรยา

แล้ว

อีกครั้ง

แท้จริงแล้ว

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

มากกว่า

มากที่สุด

น้อยกว่า

ด้านนอก

มาก

ไม่มี

ใกล้

ไกล

ด้านใน

ด้านข้าง

ด้านบน

ด้านล่าง

ทุกคน

ด้านหลัง

ด้านหน้า

ฤดูใบไม้ผลิ

อื่น ๆ

ด้วยกัน

ฤดูหนาว

ฤดูใบไม้ร่วง

ฤดูร้อน

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

มีนาคม

กุมภาพันธ์

มกราคม

มิถุนายน

พฤษภาคม

เมษายน

กันยายน

สิงหาคม

กรกฎาคม

ธันวาคม

พฤศจิกายน

ตุลาคม

ทิศใต้

ทิศตะวันออก

ทิศเหนือ

ทันที

บ่อย

ทิศตะวันตก

ถึงแม้ว่า

ทันใดนั้น

ตัวเลข

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2

1

0

5

4

3

8

7

6

11

10

9

14

13

12

17

16

15

20

19

18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

คำกริยา

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

มา

คิด

ไว้

ค้นหา

เอา

วาง

พูดคุย

ทำงาน

ฟัง

ช่วยเหลือ

ชอบ

ให้

รอ

โทร

รัก

ปิด

นั่ง

ยืน

ชนะ

แพ้

เปิด

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

เปิด

มีชีวิต

ตาย

ทำให้บาดเจ็บ

ฆ่า

ปิด

ดื่ม

ดู

สัมผัส

พบ

เดิน

กิน

ติดตาม

จูบ

เติมพ่น

ถาม

ตอบ

แต่งงาน

กด

ผลัก

ดึง

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

ต่อสู้

จับ

ดี

อ่าน

วิ่ง

ขว้าง

นับ

แก้ไข

เขียน

ซื้อ

ขาย

ตัด

ฝัน

เรียน

จ่าย

ฉลอง

เล่น

นอน

ยิง

ทำความสะอาด

เฟลิดเฟลิน

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

ขโมย

โจมตี

ป้องกัน

บิน

ช่วยชีวิต

เผา

กัด

เตะ

ถ่มน้ำลาย

ร้องไห้

ดม

หายใจ

หัวเราะ

ยิ้ม

ร้องเพลง

โต้เถียง

หด

เติบโต

ซ่อน

ให้อาหาร

แบ่งปัน

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

กระโดด

ว่ายน้ำ

เดือน

ส่งมอบ

ชุด

ยก

เดินทาง

ฝึกฝน

มองหา

ลือค

เปิด

ทาสี

ทำอาหาร

อธิษฐาน

ล้าง

อ้าง

ตะโกน

อาเจียน

หาได้

คำนวณ

พิมพ์

คำคุณศัพท์

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

น้อย

เก่า

ใหม่

ถูกต้อง

ผิด

มาก

มีความสุข

ดี

แย่

เล็ก

ยาว

สั้น

หนุ่ม

สวย

ใหญ่

สีดำ

สีขาว

แก่

สีเขียว

สีน้ำเงิน

สีแดง

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

เร็ว

ช้า

สีเหลือง

ยุติธรรม

ไม่ยุติธรรม

ตกลง

รวย

ง่าย

ยาก

อ่อนแอ

แข็งแรง

ยากจน

ภูมิใจ

เหนื่อย

ปลอดภัย

สุขภาพดี

ป่วย

อึด

สูง

ต่ำ

โกรธ

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

อ่อน

เปรี้ยว

หวาน

โง่

น่ารัก

แข็ง

สูง

ยุ่ง

บ้า

ประหลาดใจ

วิตกกังวล

เตี้ย

ฉลาด

ชั่วร้าย

สุขภาพ

สีส้ม

ร้อน

หนาว

สีชมพู

สีน้ำตาล

สีเทา

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

เบา

หนัก

น่าเบื่อ

กระหายน้ำ

หิว

เหงา

แบน

สูงชัน

เศร้า

ลึก

กว้าง

แคบ

สกปรก

ใหญ่โต

ตื่น

ว่างเปล่า

เต็ม

สะอาด

เชือกสี

ถูก

แพง

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

ใจกว้าง

กล้าหาญ

ซื่อสัตย์

ตั้งใจ

เห็นแก่

เสียสละ

ฝนตก

แดดจ้า

เจียบ

มีเมฆ

มีหมอก

กีฬา

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

วิ่ง

เทนนิส

ยิมนาสติก

ฟุตบอล

กอล์ฟ

บันจี้ยาน

การดำน้ำ

ว่ายน้ำ

บาสเกตบอล

ไตรกีฬา

วิ่งมาราธอน

การเดินป่า

ชกมวย

ยกน้ำหนัก

ปีงปอง

สโนว์บอร์ด

สเกตลีลา

แบดมินตัน

ออกกั๊น้ำแข็ง

สกีครอสคันท์รี

สกี

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

วอลเลย์บอลชายหาด

แฮนด์บอล

วอลเลย์บอล

เบสบอล

คริกเกต

รักบี้

กีฬากระโดดน้ำ

โปโลน้ำ

อเมริกันฟุตบอล

แข่งพายเรือ

แข่งเรือใบ

กีฬาโต้คลื่น

การกระโดดร่ม

เต็นร่า

โยคะ

โบว์ลิ่ง

โปกเกอร์

หมากรุก

บิลเลียด

สัตว์

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

ม้า

วัว

หมู

ลิง

แกะ

สุนัข

ไก่

หมี

แมว

ผึ้ง

ผีเสื้อ

เปิด

งู

แมงมุม

ปลา

กระต่าย

หนูขนาดเล็ก

เสือ

ช้าง

ลา

สิงโต

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

ยุ่ง

แมลง

นกพิราบ

ปลาวาฬ

มด

แมลงวัน

หอยทาก

ปลาโลมา

ปลาฉลาม

หมีขั้วโลก

หมีแพนด้า

กบ

จิงโจ้

โคอาลา

หมาป่า

ฮิปโป

สุนัขจิ้งจอก

ยีราฟ

หงส์

นกเรเวน

ค่างคาว

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

เพนกวิน

นกยูง

นกนางนวล

แมลงปอ

หอนอนผีเสื้อ

นกแก้ว

ม้าน้ำ

ปลาหมึกยักษ์

ปลาหมึก

ปู

แมงกะพรุน

แมวน้ำ

จระเข้

เต่าบก

ไดโนเสาร์

ประเทศ

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

อเมริกา

เอเชีย

ยุโรป

สเปน

สหราชอาณาจักร

แอฟริกา

ฝรั่งเศส

อิตาลี

สวีเดน

สิงคโปร์

ไทย

เยอรมนี

อิสราเอล

ญี่ปุ่น

รัสเซีย

สหรัฐอเมริกา

จีน

อินเดีย

ชิลี

แคนาดา

เม็กซิโก

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

แอฟริกาใต้

อาร์เจนตินา

บราซิล

ลิเบีย

โมร็อกโก

ไนจีเรีย

อียิปต์

แอลจีเรีย

เคนยา

ออสเตรเลีย

นิวซีแลนด์

ร่างกาย

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

ผม

จุ่ม

ศีรษะ

ดวงตา

หู

ปาก

หัวใจ

เท้า

มือ

ก้น

คอ

สมอง

ขา

เข่า

ไหล่

เต้านม

ท้อง

แขน

ลิ้น

ฟัน

หลัง

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

นิ้วเท้า

นิ้วมือ

ริมฝีปาก

ตับ

ปอด

กระเพาะอาหาร

ลำไส้

ไต

เส้นประสาท

แก้ม

คาง

หน้าผาก

นิ้วก้อย

นิ้วหัวแม่มือ

เข่า

นิ้วชี้

นิ้วกลาง

นิ้วนาง

กระดูกสันหลัง

ส้นเท้า

เล็บมือ

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tĩnh trùng

dương vật

tĩnh hoàn

โครงกระดูก

กระดูก

กล้ามเนื้อ

กระดูกสันหลัง

กระดูกซี่โครง

กระดูกซี่โครง

ข้อต่อ

หลอดเลือดแดง

หลอดเลือดดำ

อวัยวะ

อวัยวะ

อวัยวะ

บ้าน

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

ห้องอาบน้ำ

ห้องครัว

ประตู

สวน

ห้องนอน

ห้องนั่งเล่น

ชั้นใต้ดิน

ผนัง

โรงรถ

หลังคา

บันได

ห้องน้ำ

ถ้วย

มีด

หน้าต่าง

ถ้วย

จาน

แก้ว

โต๊ะทำงาน

ชาม

ถังขยะ

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xếp

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

ผักบัว

กระจก

เตียง

นาฬิกา

รูปภาพ

โซฟา

เพื่อนบ้าน

เก้าอี้

โต๊ะ

ห้องใต้หลังคา

ระเบียง

ลิฟต์

ตะเกียบ

ชั้นไม้

ปล่องไฟ

ส้อม

ช้อน

ชุดมีดช้อนส้อม

กระทะ

หม้อ

ทัพพี

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

ผ้ามัน

ชั้นวางหนังสือ

หลอดไฟ

ผ้าห่ม

หมอน

พูก

ตู้เสื้อผ้า

ลิ้นชัก

ชั้นวางของ

เครื่องซักผ้า

ไม้กวาด

ถัง

ผ้าเช็ดตัว

อ่างอาบน้ำ

ตะกร้าซักผ้า

ผ้าขนหนู

กระดาดชำระ

สบู่

กล่องจดหมาย

บันได

อ่างล้างหน้า

hàng rào



อาหาร

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

นม

ชีส

ไข่

กระดุก

เนยสด

ปลา

น้ำตาล

ขนมปัง

น้ำมัน

เค้ก

ลูกกวาด

ช็อกโกแลต

ชา

กาแฟ

น้ำ

สลัด

ไวน์

เบียร์

อาหารเช้า

ของหวาน

ซูป

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

พิชซ่า

อาหารเย็น

อาหารกลางวัน

โยเกิร์ต

เนย

ไอศกรีม

แฮม

แซลมอน

ทูน่า

เนื้อไก่วง

ไส้กรอก

เบคอน

เนื้อหมู

เนื้อวัว

เนื้อไก่

เห็ด

ผักทอง

เนื้อแกะ

กระเทียมต้น

กระเทียม

เห็ดทรัฟเฟิล

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

มันเทศ

มะเขือยาว

ขิง

พริก

แตงกวา

แครอท

มันฝรั่ง

หัวหอม

พริกหยวก

บรอกโคลี

กะหล่ำปลี

กะหล่ำดอก

ไม้นุ่น

ปวยเล้ง

ผักกาดหอม

ถั่วลันเตา

ขึ้นฉ่ายฝรั่ง

ข้าวโพด

แอปเปิล

ลูกแพร์

ถั่ว

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

อินทผลัม

มะเดื่อฝรั่ง

มะกอก

เฮเซลนัท

อัลมอนด์

มะพร้าว

มะม่วง

กล้วย

ถั่วลิสง

สับปะรด

โอโวคาโด

กีวี

เมลอนหวาน

องุ่น

แตงโม

สตอเบอรี่

บลูเบอรี่

ราสเบอรี่

แอปริคอต

ลูกพลัม

เชอร์รี่

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

เกรปฟรุต

เลมอน

ลูกพีช

สัระแห่น

มะเขือเทศ

ส้ม

วานิลลา

อบเชย

ตะไคร้

ผงกะหรี่

พริกไทย

เกลือ

น้ำส้มสายชู

เต้าหู้

ยาสูบ

แป้ง

นมถั่วเหลือง

ก๋วยเตี๋ยว

ข้าวสาลี

ข้าวโอ๊ต

ข้าว

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

น้ำผึ้ง

ถั่ว

ถั่วเหลือง

แพนเค้ก

หมากฝรั่ง

แฮม

มัฟฟิน

พุดดิ้ง

คุกกี้

น้ำส้ม

เครื่องดื่มชูกำลัง

โดนัท

เค้ก

มิลค์เชค

น้ำแอปเปิ้ล

รัม

ค็อกเทล

ช็อกโกแลตร้อน

รายการอาหาร

วอดก้า

วิสกี้

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

ซูชิ

สปาเก็ตตี้

อาหารทะเล

ปีกไก่ทอด

มันฝรั่งทอดกรอบ

ป๊อปคอร์น

มายองเนส

มัสดาร์ด

เฟรนช์ฟรายส์

ฮอตดอก

แซนด์วิช

ซอสมะเขือเทศ

เบอร์เกอร์

โรงเรียน

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

การบ้าน

ห้องสมุด

หนังสือ

วิทยาศาสตร์

บทเรียน

การสอบ

ปากกา

ศิลปะ

ประวัติศาสตร์

ที่สอง

ที่หนึ่ง

ดินสอ

วิจัย

ที่สี่

ที่สาม

พจนานุกรม

สนามกีฬา

ปริญญา

เรขาคณิต

สมุดบันทึก

ภาคเรียน

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

เศรษฐศาสตร์

ปรัชญา

การเมือง

คณิตศาสตร์

ชีววิทยา

พลศึกษา

เคมี

วรรณกรรม

ภูมิศาสตร์

ยางลบ

ไม้บรรทัด

ฟิลิกส์

กาบ

เทพกาบ

กรรไกร

3%

คลิปหนีบกระดาษ

ปากกาถูกลิ้น

ลูกบาศก์เมตร

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

เมตร

ไมล์

ตารางเมตร

เดซิเมตร

เซนติเมตร

มิลลิเมตร

การคูณ

การลบ

การบวก

ปริมาตร

พื้นที่

การหาร

สามเหลี่ยม

สี่เหลี่ยมจัตุรัส

สี่เหลี่ยมผืนผ้า

มิลลิลิตร

ลิตร

วงกลม

กรัม

กิโลกรัม

ตัน

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

กรวย

กล้องจุลทรรศน์

แม่เหล็ก

การบรรยาย

ห้องปฏิบัติการ

ธรรมชาติ

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

เพชร

ไฟ

เก้าอี้

ดาว

ดวงอาทิตย์

ดวงจันทร์

ทะเลสาบ

ชายฝั่ง

ดาวเคราะห์

เนินเขา

ทะเลทราย

ป่า

หุบเขา

แม่น้ำ

หิน

มหาสมุทร

เกาะ

ภูเขา

หิมะ

น้ำแข็ง

ทะเล

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

ลม

ฝน

พายุ

ดอกกุหลาบ

หญ้า

ต้นไม้

ดิน

โลหะ

ดอกไม้

ทราย

ถ่านหิน

ลาวา

ดาวเทียม

จรวด

ดินเหนียว

ทวีป

ดาวเคราะห์น้อย

กาแล็กซี

ข้าวโลกเหนือ

ข้าวโลกใต้

เส้นศูนย์สูตร

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

ถ้ำ

ปาดิบชื้น

ลำธาร

ธารน้ำแข็ง

ชายฝั่ง

น้ำตก

ภูเขาไฟ

ปล่องภูเขาไฟ

แผ่นดินไหว

หมอก

น้ำท่วม

บรรยากาศ

ฟ้าแลบ

ฟ้าร้อง

รู้กึน้ำ

พายุไต้ฝุ่น

อุณหภูมิต่ำ

พายุฝนฟ้าคะนอง

กึ่งไม้

เมฆ

พายุเฮอริเคน

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

ลำต้น

ราก

ใบไม้

คาร์บอนไดออกไซด์

พลาสติก

เมล็ดพันธุ์

ออกซิเจน

เหล็ก

อะตอม

ธาตุเงิน

ทอง

การขนส่ง

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

รถไฟ

รถบัส

รถยนต์

เครื่องบิน

ป้ายรถเมล์

สถานีรถไฟ

รถจักรยาน

รถบรรทุก

เรือ

ไฟจราจร

รถแท็กซี่

รถมอเตอร์ไซด์

बाटเตरी

ถนน

ที่จอดรถ

พวงมาลัย

ถุงลมนิรภัย

เครื่องยนต์

ท้ายรถ

ยางรถ

เข็มขัดนิรภัย

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

รถไฟใต้ดิน

ห้องขายตั๋ว

เครื่องจำหน่ายตั๋วอัตโนมัติ

รถราง

หัวรถจักร

รถไฟความเร็วสูง

สนามบิน

รถตู้

รถโรงเรียน

ชั้นหนึ่ง

เฮลิคอปเตอร์

สายการบิน

เสื้อชูชีพ

ชั้นธุรกิจ

ชั้นประหยัด

เรือสำราญ

เรือดำน้ำ

ตู้คอนเทนเนอร์

เรือเฟอร์รี่

เรือยอชท์

เรือขนตู้คอนเทนเนอร์

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

เรดาร์

เรือชูชีพ

ท่าเรือ

ปั๊มน้ำมัน

ทางเท้า

ไฟถนน

การจราจรติดขัด

ทางม้าลาย

เขตก่อสร้าง

รถชุด

รถถัง

มอเตอร์เวย์

รถสก็ูตเตอร์

รถพ่วง

รถแทรกเตอร์

กระเช้าไฟฟ้า

เมือง

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

บ้าน

โรงเรียน

โรงพยาบาล

ซูเปอร์มาร์เก็ต

ตลาด

บิล

ฟาร์ม

มหาวิทยาลัย

อพาร์ทเมนต์

บาร์

ร้านอาหาร

โบสถ์

ห้องน้ำ

สวนสาธารณะ

ยิม

ตำรวจ

รถพยาบาล

แผนที่

ชานเมือง

ประเทศ

นักดับเพลิง

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

ห้างสรรพสินค้า

การรับประกัน

หมู่บ้าน

ปราสาท

ดีกระฟ้า

ร้านขายยา

วัด

โบสถ์ยิว

สถานเอกอัครราชทูต

ศาลากลางจังหวัด

มัสยิด

โรงงาน

ไนท์คลับ

น้ำพุ

ที่ทำการไปรษณีย์

สนามฟุตบอล

สนามกอล์ฟ

ม้านั่ง

ศูนย์บริการข้อมูลการท่องเที่ยว

สนามเทนนิส

สระว่ายน้ำ

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

พิพิธภัณฑ์

หอศิลป์

คาสิโน

พิพิธภัณฑ์สัตว์น้ำ

ของที่ระลึก

อุทยานแห่งชาติ

สวนน้ำ

รถไฟเหาะตีลังกา

สไลด์น้ำ

ทางออกฉุกเฉิน

สนามเด็กเล่น

สวนสัตว์

สถานีตำรวจ

ถังดับเพลิง

สัญญาณเตือนไฟไหม้

เมืองหลวง

ภูมิภาค

รัฐ

โรงพยาบาล

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

การผ่าตัด

ผู้ป่วย

อุบัติเหตุ

ไอ

ไข้

ยาเม็ด

ห้องนั่งรอ

แผนกดูแลผู้ป่วยหนัก

ห้องฉุกเฉิน

วันหมดอายุ

ยานอนหลับ

แอสไพริน

ผลข้างเคียง

ยาแก้ไอ

ปริมาณการใช้ยา

แคปซูล

ยาผง

อินซูลิน

ยาปฏิชีวนะ

ยาแก้ปวด

วิตามิน

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

หัวใจวาย

ไวรัส

แบคทีเรีย

โรคหลอดเลือดสมอง

โรคเบาหวาน

โรคท้องร่วง

ไข้หวัดใหญ่

โรคมะเร็ง

โรคหอบหืด

เจ็บคอ

ผิวไหม้แดด

ปวดฟัน

ภูมิแพ้

การติดเชื้อ

ปวดท้อง

เข็มฉีดยา

ปวดหัว

ตะคริว

เครื่องอัลตราซาวด์

ภาพถ่ายเอ็กซเรย์

ไม้ค้ำยันรักแร้

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

เฟือก

เก้าอี้รถเข็น

พลาสติกบีดแผล

จุกเงิน

การบาดเจ็บ

ชีพจร

กระดุกหัก

แผลไฟไหม้

การกระทบกระเทือนทางสมอง

การตรวจครรภ์

ยาเม็ดคุมกำเนิด

อาชีพ

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

ตำรวจ

นางพยาบาล

นายแพทย์

นักสืบ

กัปตัน

ประธานาธิบดี

ครู

ศาสตราจารย์

นักบิน

ผู้ช่วย

เลขานุการ

ทนายความ

พ่อครัว

ผู้จัดการ

ผู้พิพากษา

นางแบบ

คนขับรถบัส

คนขับแท็กซี่

เภสัชกร

นายกรัฐมนตรี

ศิลปิน

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

ผู้ประกอบการ

ทันตแพทย์

นักดับเพลิง

แอร์โฮสเตส

โปรแกรมเมอร์

นักการเมือง

สถาปนิก

คุณครูอนุบาล

นักวิทยาศาสตร์

อัยการ

ที่ปรึกษา

นักบัญชี

เจ้าของบ้าน

บอดีการ์ด

ผู้จัดการทั่วไป

ทหาร

เจ้าหน้าที่รักษาความปลอดภัย

บริการ

ช่างประปา

พนักงานทำความสะอาด

ชาวประมง

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

พนักงานต้อนรับ

เกษตรกร

ช่างไฟฟ้า

ช่างทำผม

พนักงานแคชเชียร์

บุรุษไปรษณีย์

ช่างภาพ

นักข่าว

นักเขียน

นักดนตรี

นักร้อง

ไลฟ์การ์ด

โค้ช

ผู้สื่อข่าว

นักแสดง

กรรมการ

ธุรกิจ

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

ความเครียด

สำนักงาน

เงิน

แผนก

เจ้าหน้าที่

ประกันภัย

จดหมาย

ที่อยู่

เงินเดือน

ที่อยู่อีเมล

ยูอาร์แอล

หมายเลขโทรศัพท์

ลายเซ็น

อีเมล

เว็บไซต์

ลูกค้า

กำไร

ขาดทุน

รหัสผ่าน

บัตรเครดิต

จำนวนเงิน

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

ห้องประชุม

ภาชี

ตู้เอทีเอ็ม

ทรัพยากรมนุษย์

เทคโนโลยีสารสนเทศ

นามบัตร

การตลาด

การบัญชี

ฝ่ายกฎหมาย

นายจ้าง

เพื่อนร่วมงาน

การขาย

การนำเสนอ

บันทึก

ลูกจ้าง

โปรเจคเตอร์

ตาราง

แฟ้มเอกสาร

ของจดหมาย

สแตมป์

พัสดุ

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

ตลาดหลักทรัพย์

การลงทุน

เบราร์เซอร์

ดอกเบี้ย

เหรียญ

ธนบัตร

บัญชีธนาคาร

หมายเลขบัญชี

เงินกู้

อุปกรณ์

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

กล้องถ่ายรูป

ชุดทีวี

โทรศัพท์

เครื่องปรับอากาศ

พัดลม

วิทยุ

เครื่องดูดฝุ่น

เครื่องปั๊มลมยาง

เครื่องชงกาแฟ

เครื่องล้างจาน

กาต้มน้ำ

เครื่องเป่าผม

ไมโครเวฟ

เตาอบ

เตาปรุงอาหาร

รีโมทคอนโทรล

เครื่องซักผ้า

ตู้เย็น

แป้นพิมพ์

เมาส์

หูฟัง

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

เครื่องสแกน

ยูเอสบีสตีก

ฮาร์ดไดรฟ์

แล็ปท็อป

จอ

เครื่องพิมพ์

ลำโพง

หุ่นยนต์